TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂ
KHOA XÂY DỰNG

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN THI CÔNG ĐƯỜNG

					SL thi công Nền đường, Cống			SL thi công mặt đường		
TT	**MÃ SV**	**HỌ VÀ**	**TÊN**	**Lớp**	**Vị trí cung cấp VL; bãi thải, mỏ đất.**	**Cự li vận chuyển đất (km)**	**Cự li v/c cấu kiện, vật liệu (km)**	**NHÓM**	**Tên hãng**	**MÃ KẾT CẤU**
1	1921623516	Nguyễn Đình	Phúc	CIE 437 A	Đầu	4.8	4.5	1	Bomag	C4
2	1921620869	Phan Ngọc	Trường	CIE 437 A	Cuối	3.2	3.9	1	Sakai	
3	1921623512	Huỳnh Đức	Bảo	CIE 437 A	Đầu	2.2	3.8	2	Dynapac	A2
4	1921623475	Lê Minh	Quang	CIE 437 A	Cuối	3.5	3.4	2	Hamm	
5	1921629062	Nguyễn Đình	Hùng	CIE 437 A	Đầu	4	3.3	3	Caterpillar	C6
6	1921623525	Lê Hùng	Mạnh	CIE 437 C	Cuối	3.2	2.3	3	Changlin	
7	178223000	Mai Quý	Định	CIE 437 A	Đầu	4.3	3.4	4	Bomag	B4
8	1921629610	Trần Vũ	Toàn	CIE 437 A	Cuối	3.8	5	4	Sakai	
9	1821625189	Nguyễn Tấn	Hiền	CIE 437 A	Đầu	1.1	3.8	5	Dynapac	D3
10	1821623529	Lê Văn	Thọ	CIE 437 A	Cuối	4.9	3	5	Hamm	
11	1821624059	Lê Minh	Huy	CIE 437 A	Đầu	3.1	3.3	6	Caterpillar	D6
12	1921610954	Trần	Quang	CIE 437 A	Cuối	2.5	2.2	6	Changlin	
13	1921627853	Lê Văn	Cường	CIE 437 A	Đầu	2.3	1.3	7	Bomag	C1
14	1921623481	Nguyên Văn	Phúc	CIE 437 A	Cuối	4.1	4.4	7	Sakai	
15	171216282	Trần Hữu	Lĩnh	CIE 437 A	Đầu	3.3	2.4	8	Dynapac	C1
									Caterpillar	A3
40	172227105	Phan Quốc	Đại	CIE 437 A	Cuối	3.4	3.8	9	Changlin	
20	1921628154	Hồ Phụng	Hoàn	CIE 437 C	Đầu	3.6	3.9	10	Bomag	A3
22	1921623489	Hồ Việt	Hùng	CIE 437 C	Cuối	3.6	2.8	10	Sakai	
26	1921623524	Bành Xuân	Luân	CIE 437 C	Đầu	2.6	2.8	11	Dynapac	D1
28	1921613438	Mai Đại	Nghĩa	CIE 437 C	Cuối	1.9	4.1	11	Hamm	
32	1921623499	Nguyễn Minh	Thiều	CIE 437 C	Đầu	4.6	2	12	Caterpillar	A4
33	1921623473	Nguyễn Trường	Thông	CIE 437 C	Cuối	3.6	2.8	12	Changlin	
24	1921129634	Nguyễn Đình	Lanh	CIE 437 C	Đầu	5	3.7	13	Bomag	B1
38	1921620932	Nguyễn Tuấn	Vũ	CIE 437 C	Cuối	3	4.6	13	Sakai	
29	1921623468	Tống Nguyên	Phước	CIE 437 C	Đầu	3.5	4.7	14	Dynapac	D4
36	1920623506	Tạ Tấn	Tuấn	CIE 437 C	Cuối	2.7	2.9	14	Hamm	
31	1920627856	Bùi Thị Mai	Phương	CIE 437 C	Đầu	3.3	3.8	15	Caterpillar	A5
35	1921623485	Hồ Sỹ	Trí	CIE 437 C	Cuối	2.8	3	15	Changlin	
30	2021624541	Nguyễn Xuân	Phước	CIE 437 C	Đầu	1.2	1.7	16	Bomag	A6
34	2021623645	Kpă Hoàng Minh	Tiến	CIE 437 C	Cuối	2.9	1.6	16	Sakai	
18	1921623505	Nguyễn Hoàng Lâm	Chi	CIE 437 C	Đầu	3.4	4.7	17	Dynapac	B5
37	1921623518	Phạm Phú	Viên	CIE 437 C	Cuối	5	3.5	17	Hamm	
17	1921613467	Nguyễn Đình	An	CIE 437 C	Đầu	4.1	3.1	18	Caterpillar	C2
19	1921623520	Nguyễn Văn	Đường	CIE 437 C	Cuối	4.6	2.1	18	Changlin	
23	1921621307	Nguyễn Anh	Kiệt	CIE 437 C	Đầu	3.1	1.7	19	Bomag	D2
41	1921620955	Cao Văn	Việt	CIE 437 A	Cuối	3.9	3	19	Sakai	
39	142224835	Huỳnh Thanh	Ý	CIE 437 C	Đầu	3.2	3.2		Dynapac	B2
21					Cuối	2.7	3.3		Hamm	
25	1921623474	Nguyễn Thanh	Hùng	CIE 437 C	Đầu	2.3	4.4		Caterpillar	B3
42	1921628810	Nguyễn Hữu	Lộc	CIE 437 C	Cuối	3.1	4.2		Changlin	
43									Bomag	B6
44									Sakai	